

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đào Hồng T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Đào Hồng T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng tại tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai từ năm 1983 đến nay. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên ông, bà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của cuộc sống gia đình. Hiện nay bà và ông T đã sống ly thân, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Hồng T.

Về con chung: Bà H và ông T có 03 người con chung tên là: Đào Thị T1, sinh ngày 05/6/1984; Đào Thị T2, sinh ngày 10/11/1986; Đào Hồng T3, sinh ngày 29/12/1993. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Đào Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không đến Tòa án làm việc gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Vũ Thị H khởi kiện ông Đào Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Số nhà A, tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”.

- Bà Vũ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đào Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị H và ông Đào Hồng T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 tại tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy khai sinh các con chung của bà H và ông T cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập được tại chính

quyền địa phương trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Mục 1 và điểm d Mục 2 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân thực tế, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống, bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi bà H và ông T chung sống, cho thấy: quá trình chung sống giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng xảy ra xung đột, sống ly thân và bà H làm đơn ly hôn đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, tiến hành triệu tập làm việc và thông báo cho ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp hòa giải nhưng ông T không đến và vắng mặt không có lý do; đồng thời bà H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự. Cho thấy cả bà H và ông T đều không có thiện chí để hòa giải hàn gắn hôn nhân.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung tên là: Đào Thị T1, sinh ngày 05/6/1984; Đào Thị T2, sinh ngày 10/11/1986; Đào Hồng T3, sinh ngày 29/12/1993. Các con chung của bà H và ông T đã thành niên và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, ông T cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông T cũng không có đơn yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thị H được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Mục 1 và điểm d Mục 2 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Đào Hồng T.

1.2. Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung tên là: Đào Thị T1, sinh ngày 05/6/1984; Đào Thị T2, sinh ngày 10/11/1986; Đào Hồng T3, sinh ngày 29/12/1993. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị H được miễn án phí.

3. Bà Vũ Thị H, ông Đào Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Tuyền